

Bản án số:06/2019/DSST

Ngày: 18/10/2019

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mạc Thị Hồng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST - DS, ngày 09 tháng 7 năm 2019, về “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày tháng 09 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Hoàng Văn H, sinh năm 1984 (có mặt)

HKTT: xóm Q, xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (có mặt)

HKTT: xóm Q, xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: chị Trần Thị O, sinh năm 1984 (có mặt)

HKTT: xóm Q, xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng:

1, Ông Trần Văn T1 - Trưởng xóm Q, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên (có mặt)

2, Ông Nguyễn Phương N - Công an xóm Q, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên (có mặt)

3, Ông Phạm Văn T2 - Chi hội trưởng Hội nông dân xóm Q, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên (có mặt)

4, Ông Nguyễn Trường G - Trưởng ban hòa giải xóm Q, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên (vắng mặt)

5, Ông Nguyễn Văn T - Công an xóm K, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên
(vắng mặt)

6, Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: xóm Q, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Hoàng Văn H trình bày: Ngày 26/11/2018, anh và bà Nguyễn Thị T đã viết giấy thỏa thuận mua bán, nội dung bà T mua của vợ chồng anh vườn chuối có 2000 cây với giá 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), bà T đặt cọc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thỏa thuận nếu bên nào thay đổi thỏa thuận thì phải bồi thường số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Ngay sau khi thỏa thuận mua bán bà T đã tiến hành thu hoạch chuối dần. Quá trình thu hoạch chuối bà T cũng nhiều lần trả tiền cho vợ chồng anh, cụ thể:

Ngày 26/11/2018 (dương lịch) đặt cọc 20.000.000đ

Ngày 9/11/2018 (al) trả 6.000.000đ

Ngày 28/12/2018 (al) trả 10.000.000đ

Ngày 20/2/2019 (dương lịch) trả 50.000.000đ

Trong quá trình bà T thu hoạch chuối và chưa thanh toán đủ tiền vợ chồng anh mua của bà T 04 xe phân, mua làm nhiều lần, trả tiền theo số bao, vợ chồng anh chỉ đếm 1 xe có 380 bao, các xe khác anh không đếm, anh có bảo bà T sang đếm nhưng bà T không sang. Về giá 1 bao phân bao nhiêu bà T cũng chưa nói. Nhưng khi 2 bên tính toán số tiền còn lại của vườn chuối thì chốt tiền phân vợ chồng anh đã mua là 24.000.000đ (hai mươi tư triệu) để trừ vào số tiền mua vườn chuối. Cộng số tiền bà T đã trả là 110.000.000đ

Ngày 14/01/2019 (al) do có bão nên vườn chuối đã bị đổ một phần, sau đó khoảng 3 hôm anh và bà T đã đi đếm số cây chuối bị đổ là 400 cây. Vài ngày sau 2 bên gặp nhau đã thỏa thuận lại về trị giá vườn chuối là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu), sau khi trừ đi các khoản tiền bà T đã trả tổng cộng là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) thì bà T ký giấy còn nợ anh số tiền 30.000.000đ.

Từ khi bà T ký giấy còn nợ 30.000.000đ cho đến nay bà T không trả anh khoản tiền nào nữa.

Bà T cho rằng khoản tiền còn nợ lại anh 30.000.000đ bà đã trả làm 2 lần 1 lần 10.000.000đ; 1 lần 18.800.000đ là không đúng.

Tối ngày 15/2/2019 (al) bà T đến nhà anh (bà T đi một mình), khi đó nhà anh đang có anh T2, anh T1 ngồi chơi. Bà T ngồi uống nước nói chuyện với anh T2, anh T1 khoảng 10 đến 15 phút thì 2 anh đi về. Bà T than phiền với anh chuối đập nát không bán được, số tiền còn nợ bớt cho bà, anh không đồng ý, nói “chỉ bớt thế thôi” thì bà T cũng về. Sau khi bà T về được khoảng 3 phút thì thấy anh T1 và bà T quay lại, một lúc sau ông G (trưởng ban hòa giải xóm) đến, bà T trình bày việc đã

trả tiền, đưa cho chị O (là vợ anh) đếm cất đi nhưng không trả lại giấy vay nợ cho bà, cho rằng anh K (em trai anh) đã cầm tiền đi cất. Do vậy anh đã mời anh N (công an xóm) đến, anh N lại mời anh T3 (công an viên xóm K, cụm trưởng của 3 xóm K, xóm Q, xóm K) đến. Anh yêu cầu lập biên bản nhưng anh T3 nói rằng đây là tranh chấp dân sự, mọi người chỉ nghe hai bên trình bày không lập biên bản, sau đó tất cả mọi người đi về.

Anh xác định bà T còn nợ vợ chồng anh tiền mua bán vườn chuối là 30.000.000đ, yêu cầu bà T trả cho vợ chồng anh khoản tiền trên.

Về tiền mua 04 xe phân: bà T nói 01 xe phân có 400 bao, 1 bao phân giá 17.000đ thì cũng chỉ là do hiện tại bà T nói như vậy, trước đó không nghe bà T nói về giá cả. Khi tính toán số tiền bà T còn nợ chốt lại là 30.000.000đ thì đã tính toán xong số tiền phân đã mua trước đó và bà T ký giấy nợ anh 30.000.000đ. Nay bà T yêu cầu tính toán lại số tiền phân anh không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Trước tết năm 2019 bà mua của vợ chồng anh H 01 vườn chuối khoảng 2000 cây với giá 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), đặt cọc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Sau khoảng nửa tháng bà bắt đầu thu hoạch chuối.

Về những lần trả tiền cho vợ chồng anh H bà không nhớ cụ thể, nhưng bà trả làm nhiều lần, cụ thể: tiền đặt cọc là 20.000.000đ; các lần trả tiếp theo là 6.000.000; 10.000.000; 50.000.000; số phân anh chị lấy 04 xe phân x 400 bao/1 xe x 16.000/bao = 25.600.000đ. Khi mua bán phân bà không yêu cầu anh H ký giấy tờ, hai bên không đếm bao, chưa nói giá cả, nhưng 1 xe phân có 400 bao. Phân bà bán là phân gà, do xe ô tô trở đến, bà không tính lãi khi bán.

Khi đã thu hoạch được khoảng 1/3 vườn chuối (mới sang đầu tháng 1 âm lịch) thì có mưa đá làm hỏng cả vườn chuối, bà chủ động gặp anh H để bàn lại giá. Hai bên thống nhất đếm số cây chuối còn lại trong vườn, xác định còn 600 cây, thỏa thuận lại cả vườn chuối giá 140.000.000đ. Sau khi tính toán thống nhất số tiền bà đã trả cho anh H là 111.000.000đ (một trăm mười một triệu đồng), bà ký giấy còn nợ lại 30.000.000đ, hẹn 15/2/2019 (al) trả nốt.

Ngày 5/2/2019 (al) chị O (vợ anh H) gọi điện nói đưa chị 10.000.000đ, bà đến nhà anh H đưa cho anh H 10.000.000đ, không yêu cầu viết giấy nhận tiền, như vậy bà chỉ còn nợ 20.000.000đ.

Ngày 15/2 (al), bà đi làm, buổi trưa vào nhà anh Nguyễn Hữu T (xóm Đ, xã P) mượn 20.000.000đ, trả 1.200.000đ tiền chuối, còn lại 18.800.000đ; đến hơn 9 giờ tối bà vào nhà anh H. Lúc đó nhà anh H có anh K, anh T1, anh T2 (em trai anh H), vợ chồng anh H. Anh T1, anh T2 đứng dậy ra về, chỉ còn lại anh K, vợ chồng anh H. Bà nói anh H mang giấy nợ ra để bà trả tiền, anh H nói uống nước đã, chị O đang sao chè. Khoảng 7 phút sau chị O đi lên, bà đưa tiền cho chị O đếm, tổng số 94 tờ tiền loại 200.000đ = 18.800.000đ, bà nói còn nợ lại 1.200.000đ, chị O đếm tiền 4 lần, đem tiền

vào buồng cất và quay ra, bà hỏi “giấy đâu”, O nói “đã đưa tiền đâu mà đưa giấy”, bà nói “vừa đưa xong”, H nói “cứ về đi mai lấy giấy”. Do thấy có dấu hiệu chiếm đoạt tiền nên bà đã gọi điện thoại cho người thân nhưng máy hết pin, xung quanh lại toàn người nhà anh H, xa dân, bà chạy đến nhà anh T1 báo sự việc cho anh T1 biết. Bà cùng anh T1 đến nhà anh H, nhưng vợ chồng anh H không thừa nhận đã cầm tiền của bà, bà thấy anh K chạy từ nhà anh H về nhà anh K. Anh T1 gọi điện cho công an xóm (anh N) cùng ban mặt trận xóm (ông G) đến nhà anh H nhưng mọi người không lập biên bản sự việc, giữa bà và chị O xảy ra cãi nhau, khoảng 11 giờ 30 đêm thì mọi người về mà không giải quyết được vấn đề gì. Khoảng 3 ngày sau thì xóm gọi 2 bên đến hòa giải, anh H lại cho rằng bà nợ anh 30.000.000đ chứ không phải nợ tiền do mua bán chuối.

Khi bà và anh T1 đến nhà anh H thì bà có chạy vào buồng lục đồ nhà anh H, lý do bà thấy chị O đem tiền vào buồng cất, cho nên bà đã chạy vào lục đồ nhưng không biết chị O để tiền ở đâu.

Đến nay bà khẳng định bà chỉ còn nợ vợ chồng anh H 1.200.000đ trong tổng số tiền đã mua vườn chuối của anh chị. Anh H kiện đòi bà phải trả 30.000.000đ, bà không nhất trí, xác định chỉ còn nợ 1.200.000đ.

Theo giấy tờ bà đã ký nhận thì bà còn nợ vợ chồng anh H 1.200.000đ. Nhưng tính toán về tiền phân anh chị lại còn nợ bà 1.600.000đ. Anh H kiện yêu cầu bà trả anh 30.000.000đ, bà không nhất trí.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa, người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị O trình bày:

Việc bà T và vợ chồng anh viết giấy mua bán vườn chuối là sự thực, thỏa thuận vườn chuối trị giá 200.000.000đ. Bà T trả tiền làm nhiều lần, nhưng sau khi vườn chuối bị bão làm đổ 1 số cây thì hai bên thỏa thuận lại giá của vườn chuối và bà T ký giấy nhận còn nợ lại số tiền 30.000.000đ

Sau khi viết giấy còn nợ 30.000.000đ, bà T cho rằng chị có gọi điện báo đưa chị 10.000.000đ là không đúng, chị không gọi điện cho bà T lần nào. Hôm vợ chồng chị và bà T lên bãi đếm cây chuối bị bão làm đổ, giữa chị và bà T đã cãi nhau, bà T nói “tao không trả mày làm gì được tao ...”.

Buổi tối ngày 15/2/2019 (al) bà T đến nhà chị, chị đang sao chè ở bếp cạnh đó, chị thấy anh H và bà T cãi nhau nên lên nhà, sau đó bà T có nói tục và nổ xe máy đi, bà T nói chị nhận tiền của bà và cất đi là không đúng.

Chị yêu cầu bà T trả cho vợ chồng chị số tiền 30.000.000đ

Tại phiên tòa, đại diện VKS nhân dân thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho VKS và đương sự; Điều 203 về

thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án: không có cơ sở để xác nhận việc bà T đã trả vợ chồng anh H số tiền 28.800.000đ. Yêu cầu khởi kiện của anh H là có căn cứ cần chấp nhận.

Đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng: điều 430, 440, 357, 468 BLDS năm 2015, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn H, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả anh Hồng số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)

Về lãi xuất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: áp dụng quy định tại điều 357 và 468 BLDS năm 2015.

Về án phí: bị đơn bà T phải chịu án phí DSST

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện: anh Hoàng Văn H có đơn khởi kiện tại Tòa án đối với bà Nguyễn Thị T về số tiền trong hợp đồng mua bán tài sản (vườn chuối) chưa được thanh toán xong. Các đương sự đều có hộ khẩu và đang cư trú tại xã P, thị xã Phổ Yên. Vì vậy Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên thụ lý đơn khởi kiện là đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án Dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa người làm chứng anh T3, ông G vắng mặt nhưng đã được nhận tổng đạt hợp lệ giấy báo phiên tòa, có lời khai trong hồ sơ vụ án. Căn cứ điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là có căn cứ. Căn

cứ theo quy định tại Khoản 6, 9 Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện và ý kiến tại phiên tòa anh Hoàng Văn H, chị Trần Thị O yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả vợ chồng anh số tiền bà T đã mua vườn chuối nhưng chưa thanh toán hết là 30.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị T thừa nhận bà đã ký giấy nhận số tiền còn nợ anh H là 30.000.000đ, là tiền mua bán chuối chưa thanh toán, nhưng sau đó bà đã trả cho anh H đủ, trả làm 2 lần, 1 lần trả 10.000.000đ; 1 lần trả 18.800.000đ; đối trừ số tiền anh chị mua phân của bà còn thiếu 1.600.000đ thì anh chị còn nợ lại bà 400.000đ.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán vườn chuối giữa anh Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị T là có thật. Hai bên thỏa thuận vườn chuối 2000 cây, trị giá 200.000.000đ, bà T đặt cọc 20.000.000đ, thỏa thuận nếu ai vi phạm hợp đồng thì phạt số tiền đặt cọc là 20.000.000đ.

Sau khi hợp đồng được lập, bà T đã thu hoạch chuối và trả tiền anh H làm nhiều lần, bà T, anh H cùng nhất trí số tiền bà T đã trả như sau: Ngày 26/11/2018 (dl) đặt cọc 20.000.000đ; ngày 9/11/2018 (al) trả 6.000.000đ; ngày 28/12/2018 (al) trả 10.000.000đ; ngày 20/2/2019 (dl) trả 50.000.000đ. Cộng là 86.000.000đ và số tiền anh H mua phân được cộng luôn vào tiền bà T đã trả.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T yêu cầu được tính toán lại số tiền đã bán phân cho vợ chồng anh H, bà cho rằng anh H đã mua 04 xe phân = 400bao/xe x 17.000/bao = 25.600.000đ. Cộng số tiền bà trả trước khi viết lại giấy nợ tiền là 116.600.000đ

Anh H, chị O cho rằng, khi mua bán phân (phân gà) cũng không nói giá cụ thể là bao nhiêu, nhưng khi thỏa thuận lại giá của vườn chuối anh đã xem xét lại giá của vườn chuối theo hướng có lợi cho bà T (giảm 60.000.000đ so với hợp đồng mua bán ban đầu), do vậy mới có việc bà T thống nhất viết giấy nợ lại số tiền 30.000.000đ lại cho anh. Nay bà T yêu cầu xem xét lại giá tiền số phân 2 bên đã mua bán với nhau anh cũng không đồng ý.

Bà T và anh H cũng thừa nhận, sau khi bị bão vườn chuối bị đổ 1 số cây, 2 bên đã đi đếm số cây bị đổ và thống nhất lại về trị giá vườn chuối là 140.000.000đ. Tính toán số tiền bà T đã trả và viết giấy nợ lại là 30.000.000đ, bà T thừa nhận chữ ký trên giấy nợ tiền là do bà ký.

Tuy nhiên, bà T cho rằng sau khi viết giấy nợ 30.000.000đ bà đã trả tiền cho anh H làm 2 lần được 28.800.000đ (1 lần trả 10.000.000đ và 1 lần trả 18.800.000đ), nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh đã trả số tiền trên.

Về lời khai của những người làm chứng: những người làm chứng đều xác định không được chứng kiến việc trả tiền giữa bà T và vợ chồng anh H.

Xem xét lại lời khai của bà T có sự mâu thuẫn, bà T cho rằng buổi tối ngày 15/2/2019 (al) bà đem 18.800.000 đến trả vợ chồng anh H, lần trả này là hết nợ. Nhưng cộng tất cả số tiền bà T đã trả và tiền phân chưa thanh toán theo tính toán của bà T thì bà đã trả thừa tiền cho anh H (thừa 400.000đ), như vậy là không phù hợp. Mặt khác bà cũng thừa nhận giấy nhận nợ số tiền 30.000.000đ là do bà ký, nay bà cho rằng anh H nói cứ viết như vậy cho tròn, sau này đếm phân tính toán lại là không có cơ sở để chứng minh.

Do vậy không có cơ sở để khẳng định lời trình bày của bà T là đúng, xác định số tiền bà T còn chưa thanh toán cho vợ chồng anh H là 30.000.000đ. Cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, buộc bà T phải trả khoản tiền 30.000.000đ cho anh H, chị O.

[3] Về án phí: Yêu cầu của anh H được chấp nhận, bà T phải chịu án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: điều 26, 35, 39, 266 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 430, 440, 441, 357, 468 BLDS năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn H đối với bà Nguyễn Thị T về "Hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả anh Hoàng Văn H và chị Trần Thị O số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thanh toán các khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi xuất chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại điều 357 và 468 của BLDS.

2. Về án phí: Bà T phải chịu 1.500.000đ án phí DSST

Trả lại anh H 750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tại biên lai số 000 ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã P;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Mạc Thị Hồng**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Hồng